

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

LƯƠNG THỊ HỒNG

**CHUYỂN BIẾN CƠ CẤU KINH TẾ
VÙNG VEN BIỂN NAM ĐỊNH (1986 - 2006)**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC LỊCH SỬ

HÀ NỘI – 2008

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

LƯƠNG THỊ HỒNG

**CHUYỂN BIẾN CƠ CẤU KINH TẾ
VÙNG VEN BIỂN NAM ĐỊNH (1986 - 2006)**

Chuyên ngành : Lịch sử Việt Nam

Mã số : 60 22 54

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC LỊCH SỬ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS. TS. TRƯƠNG THỊ TIẾN

HÀ NỘI – 2008

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	3
3. Đối tượng, phạm vi và nhiệm vụ nghiên cứu	8
3.1. Đối tượng nghiên cứu	8
3.2. Phạm vi nghiên cứu:	8
3.3. Nhiệm vụ nghiên cứu:.....	9
4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu	9
4.1. Nguồn tài liệu.....	9
4.2. Phương pháp nghiên cứu	10
5. Đóng góp của luận văn	10
6. Kết cấu của luận văn.....	11
CHƯƠNG 1: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG VEN BIỂN NAM ĐỊNH TRƯỚC NĂM 1986	12
1.1. Điều kiện tự nhiên.....	12
1.1.1. Vị trí địa lý.....	12
1.1.2. Tài nguyên thiên nhiên.....	14
1.2. Tình hình kinh tế - xã hội vùng ven biển Nam Định trước năm 1986	17
1.2.1. Tình hình kinh tế.....	17
1.2.2. Tình hình văn hóa - xã hội.....	24
CHƯƠNG 2: CHUYỂN BIẾN CƠ CẤU KINH TẾ VÙNG VEN BIỂN NAM ĐỊNH TRONG NHỮNG NĂM 1986 - 1998	30
2.1. Các nhân tố tác động đến chuyển biến kinh tế.....	30
2.1.1. Điểm xuất phát.....	30
2.1.2. Đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước.....	31
2.1.3. Xu thế hội nhập quốc tế.....	33
2.2. Những chuyển biến bước đầu về cơ cấu kinh tế.....	35

2.2.1. Chuyển biến về cơ cấu đầu t-	35
2.2.2. Chuyển biến cơ cấu thành phần kinh tế	38
2.2.3. Chuyển biến về cơ cấu ngành	41
2.2.3.1. Nông nghiệp	41
2.2.3.2. Thủy sản	47
2.2.3.3. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	54
2.2.3.4. Du lịch, dịch vụ	57
2.2.4. Chuyển biến cơ cấu nhóm ngành	58
CH- ƠNG 3: CHUYỂN BIẾN CƠ CẤU KINH TẾ VÙNG VEN BIỂN NAM	
ĐỊNH TRONG NHỮNG NĂM 1998 - 2006	63
3.1. Chủ tr- ơng phát triển kinh tế biển thành ngành mũi nhọn	63
3.2. B- ớc phát triển mới về cơ cấu đầu t-	65
3.3. Cơ cấu thành phần kinh tế ngày càng đa dạng	70
3.4. Chuyển biến cơ cấu ngành theo h- ớng phát huy thế mạnh kinh tế biển	74
3.4.1. Sự chuyển biến trên lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi	74
3.4.2. Sự phát triển nhanh chóng của ngành thủy sản	80
3.4.3. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp theo h- ớng công nghiệp hoá, hiện đại hoá	89
3.4.4. B- ớc phát triển mới của du lịch, dịch vụ	96
3.5. Chuyển biến cơ cấu nhóm ngành góp phần thúc đẩy xu thế phát triển chung của nền kinh tế theo h- ớng hội nhập	100
KẾT LUẬN	104
TÀI LIỆU THAM KHẢO	114
PHỤ LỤC	125

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1: Sản lượng thóc vùng nội đồng và ven biển Nam Định 1976 - 1984

Bảng 2.1: Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phân theo ngành kinh tế (theo giá hiện hành)

Bảng 2.2: Vốn đầu tư cho phát triển sản xuất vùng ven biển Thái Bình

Bảng 2.3: Tổng diện tích gieo trồng các loại cây hàng năm (đã trừ cây dâu tằm)

Bảng 2.4: Diện tích gieo trồng cây lương thực.

Bảng 2.5: Sản lượng lương thực quy thóc (đã trừ khoai tây) vùng ven biển

Bảng 2.6: Sản lượng lúa cả năm của vùng ven biển.

Bảng 2.7: Số lượng đàn trâu, bò, lợn vùng ven biển qua các năm

Bảng 2.8: Số lượng đàn trâu qua các năm của vùng ven biển.

Bảng 2.9: Số cơ sở vật chất của ngành thủy sản vùng ven biển năm 1997

Bảng 2.10: Diện tích nuôi trồng thủy sản mặn lợ vùng ven biển

Bảng 2.11: Sản lượng thủy sản mặn lợ vùng ven biển từ 1991 - 1995

Bảng 2.12: Sản lượng nuôi trồng thủy sản mặn lợ

Bảng 2.13: Giá trị tổng sản lượng đánh bắt thủy sản nước mặn.

Bảng 2.14: Số lượng lao động hoạt động trong ngành thủy sản

Bảng 2.15: Cơ cấu ngành nghề các hộ theo lĩnh vực hoạt động kinh tế của các huyện ven biển Thái Bình

Bảng 2.16: Cơ cấu lao động vùng ven biển năm 1995

Bảng 2.17: Tỷ trọng cơ cấu lao động các huyện vùng ven biển so với toàn tỉnh và so với vùng

Bảng 2.18: GDP theo giá thực tế năm 1995 của vùng ven biển

Bảng 2.19: Cơ cấu GDP của vùng ven biển năm 1995

Bảng 2.20: GDP vùng ven biển so với toàn tỉnh năm 1995

Bảng 3.1: Vốn đầu tư xây dựng trên địa bàn theo giá thực tế

Bảng 3.2: Vốn đầu tư phát triển kinh tế biển vùng ven biển Nam Định giai đoạn 2001 - 2005

Bảng 3.3: Các hạng mục đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản vùng ven biển

Bảng 3.4: Số vốn đầu tư khai thác hải sản.

Bảng 3.5: Số vốn đầu tư cho chế biến - xuất khẩu.

Bảng 3.6: Số cơ sở sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế

Bảng 3.7: Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá hiện hành phân theo thành phần

kinh tế.

Bảng 3.8: Sản lượng cây trồng thực có hạt bình quân đầu người

Bảng 3.9: Sản lượng trồng thực bình quân đầu người các vùng

Bảng 3.10: Sản lượng cây công nghiệp hàng năm vùng ven biển.

Bảng 3.11: Số lượng gia súc, gia cầm vùng ven biển

Bảng 3.12: Số lượng đàn lợn của các huyện vùng ven biển Nam Định.

Bảng 3.13: Số lượng tàu thuyền của vùng ven biển

Bảng 3.14: Diện tích, sản lượng nuôi trồng thủy sản mặn lợ của vùng ven biển Nam Định qua các năm

Bảng 3.15: Sản lượng khai thác, nuôi trồng hải sản vùng ven biển Nam Định

Bảng 3.16: Khai thác hải sản vùng ven biển Nam Định

Bảng 3.17 : Sản lượng thủy sản nuôi của vùng ven biển.

Bảng 3.18: Sản lượng tôm nuôi vùng ven biển.

Bảng 3.19 : Giá trị xuất khẩu hải sản vùng ven biển Nam Định

Bảng 3.20: Sản lượng và giá trị xuất khẩu thủy hải sản vùng ven biển

Bảng 3.21: Kim ngạch xuất khẩu thủy sản vùng ven biển qua các năm

Bảng 3.22: Sản phẩm chủ yếu của ngành công nghiệp vùng ven biển

Bảng 3.24: Số người hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, du lịch và khách sạn, nhà hàng.

Bảng 3.25: Giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản vùng ven biển

Bảng 3.26: Cơ cấu kinh tế các ngành phân theo huyện của vùng ven biển Nam Định năm 2005

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

GDP: Tổng Sản Phẩm Quốc Nội

HN: Hà Nội

HTX: Hợp Tác Xã

KHXH: Khoa Học Xã Hội

KHXH & NV: Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn

NXB: Nhà Xuất Bản

UBND: Ủy ban nhân dân

TW: Trung Ương

LỜI CẢM ƠN

Tác giả luận văn xin chân thành cảm ơn tất cả các thầy, cô giáo trong Khoa Lịch sử - Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn đã quan tâm giúp đỡ trong quá trình học tập cũng như khi thực hiện luận văn. Đặc biệt tác giả xin trân trọng bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS.TS. Tr- ong Thị Tiến đã tận tâm hướng dẫn tác giả hoàn thành luận văn này.

Nhân đây, tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với gia đình, cơ quan Viện Sử học, bạn bè và những người thân thiết đã động viên, giúp đỡ trong suốt thời gian học tập và thực hiện luận văn.

Dù đã có rất nhiều cố gắng nhưng luận văn không thể tránh khỏi những hạn chế. Tác giả kính mong nhận được sự đóng góp ý kiến quý báu của các thầy cô và các bạn đồng nghiệp.

Hà Nội, tháng 11 năm 2008

Học viên

L^ong Thị Hồng

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan tư liệu dùng để viết luận văn này là do tôi thu thập tại thực địa và trong một số tài liệu thứ cấp (có danh mục ở cuối luận văn). Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thông tin, dữ liệu đã công bố trong luận văn này.

Hà Nội tháng 11 năm 2008

Lương Thị Hồng

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Cách đây hơn một thế kỷ, khi phân định các thời đại phát triển, Bộ trưởng ngoại giao Mỹ John Hay đã chọn biển chứ không chọn lục địa làm mốc tọa độ. Ông cho rằng: “*Địa Trung Hải là biển của quá khứ, Đại Tây Dương là biển của hiện tại, Thái Bình Dương là biển của tương lai*” [Dẫn theo 19]. Lời tiên đoán này đang trở thành sự thực hoàn hảo. Châu Á - Thái Bình Dương đang trở thành trung tâm phát triển năng động nhất và đóng góp nhiều sản phẩm nhất cho thế giới. Khai thác kinh tế biển đang ngày càng chiếm một vị trí quan trọng trong nền kinh tế. Khi khoa học kỹ thuật phát triển, nguồn dự trữ tài nguyên trên đất liền cạn dần, đòi hỏi con người phải hướng mạnh ra biển khơi - nơi chứa đựng những nguồn tài nguyên to lớn và đa dạng. Phát triển kinh tế biển trở thành ngành kinh tế mũi nhọn là một trong những mục tiêu chiến lược quan trọng cả về kinh tế, an ninh, quốc phòng của những quốc gia ven biển. Việt Nam có bờ biển dài với nguồn trữ lượng thủy sản phong phú là một tiềm năng vô cùng to lớn. Vậy mà người Việt trước đây không có nền kinh tế hàng hải phát triển, không hướng ra biển như các nước vùng Địa Trung Hải hay Nhật Bản trong thời cổ, trung đại. Mối quan hệ kinh tế văn hóa giữa quốc gia với các nước Đông Nam Á, châu Á (trừ Trung Quốc) không lấy gì làm sâu sắc và thường xuyên [34, tr.267]. Thực tế đó đòi hỏi người Việt Nam chúng ta cần phải có sự thay đổi trong cả nhận thức, suy nghĩ lẫn cách làm. Trong bối cảnh hiện nay, khi Việt Nam cần phải mở cửa hội nhập sâu rộng hơn nữa với thế giới thì biển chính là một hướng đi hiệu quả.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khóa X (tháng 2/2007) về “Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020” đã ghi nhận ý kiến cho rằng thế kỷ XXI sẽ là “Thế kỷ của Đại dương”. Trong thực tế, thời kỳ đổi mới, các vùng đồng bằng ven biển thực sự đã có những bước tiến năng động hơn rất nhiều so với

TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tiếng Việt

1. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Xuân Thủy (1986), *Nghị quyết ĐH Đảng bộ Xuân Thủy lần thứ 9 (1985 -1986)*, Xuân Thủy.
2. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Xuân Thủy (1995), *Báo cáo BCH Đảng bộ huyện Xuân Thủy khoá 11 tại ĐH Đảng bộ huyện lần thứ 12 (1991 - 1995)*, Xuân Thủy.
3. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Giao Thủy (2005), *Báo cáo BCH Đảng bộ huyện Giao Thủy khoá 22 tại ĐH Đảng bộ huyện lần thứ 23 (2001 - 2005)*, Giao Thủy.
4. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Giao Thủy (2005), *Báo cáo BCH Đảng bộ huyện Giao Thủy tại ĐH Đảng bộ huyện lần thứ 22*, Giao Thủy.
5. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Hải Hậu (1986), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 1986*, Hải Hậu.
6. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Hải Hậu (1988), *Báo cáo tình hình và nhiệm vụ tại Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ 20*, Hải Hậu.
7. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Hải Hậu (1988), *Sơ thảo Lịch sử Đảng bộ Hải Hậu (1930 - 1964)*.
8. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Hải Hậu (1991), *Lịch sử Đảng bộ huyện Hải Hậu (1965 - 1990)*.
9. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Hải Hậu (1995), *Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ huyện Hải Hậu tại Đại hội lần thứ 22 (1991 - 1995)*
10. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Hải Hậu (2005), *Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ huyện Hải Hậu tại Đại hội lần thứ 23 (2001 - 2005)*.
11. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Nghĩa H- ng (1986), *Nghị quyết đánh giá tình hình năm 1986*
12. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Nghĩa H- ng (1995), *Nghị quyết ĐH Đảng bộ Nghĩa H- ng lần thứ 19 (1991 - 1995)*

13. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Nghĩa H- ng (2001), *Lịch sử Đảng bộ huyện Nghĩa H- ng (1930 - 2000)*, Nghĩa H- ng.
14. Ban chấp hành Đảng bộ huyện Nghĩa H- ng (2005), *Nghị quyết ĐH Đảng bộ Nghĩa H- ng lần thứ 21 (2001 - 2005)*
15. Ban Nông nghiệp Trung - ong (1991), *Kinh tế xã hội nông thôn Việt Nam ngày nay*, tập I, II, Nxb T- t- ởng - văn hoá, Hà Nội.
16. Báo Nam Định (số ngày 5/ 5/2005), "Giao Thủy - Vùng đất chim về".
17. Báo Nhân dân (số ngày 27/7/2006), "Nam Định nuôi nhiều loại thủy sản mới".
18. Báo Nam Định (số 5/2007), *Tổng kết cuộc tổng điều tra nông nghiệp, nông thôn và thủy sản*.
19. Báo điện tử Vietnamnet (2007), *Thế kỷ XXI là thế kỷ của đại d- ong*, số ngày 24/05/2007
20. Báo điện tử Vietnamnet (2007), *Cánh bướm, bờ biển và khu chế xuất*, số ngày 22/1/2007.
21. Báo điện tử Vietnamnet (số ngày 23/01/2007) , *Bờ biển, mỏ vàng khổng lồ*.
22. Báo điện tử Tiền Phong (số ngày 22/1/2007), *Việt Nam cần quay mặt ra biển để phát triển*.
23. Bộ Khoa học công nghệ và môi tr- ờng (1998), *T- liệu vùng đồng bằng sông Hồng 1997 - 1998*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
24. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (2001), *Nông nghiệp Việt Nam 61 tỉnh và thành phố*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
25. Bộ Văn hoá Thông tin (1999), *Hải Hậu - một vùng quê văn hoá*, Hà Nội.
26. Nguyễn Ngọc Cơ (1993), "Sự biến đổi đời sống vật chất của nông dân đồng bằng sông Hồng từ 1976 đến nay", *Tạp chí nghiên cứu Lịch sử*, số 4(269).
27. Đặng Đình Chấn, Trần Tr- ờng, Trần Anh Tuấn (2005), *Nghĩa H- ng - tiềm năng và cơ hội đầu t-*, Nxb Văn hoá Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh,

28. Nguyễn Sinh Cúc (2003), *Nông nghiệp, nông thôn Việt Nam thời kỳ đổi mới 1986 - 2002*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
29. Nguyễn Sinh Cúc (1991), *Thực trạng nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam (1976 - 1990)*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
30. Cục Thống kê tỉnh Nam Định (1997), *Niên giám thống kê 1991 - 1996*.
31. Cục Thống kê tỉnh Nam Định (2001), *Niên giám thống kê năm 2000*.
32. Cục Thống kê tỉnh Nam Định (2006), *Niên giám thống kê năm 2005*.
33. Cục Thống kê tỉnh Nam Định (2007), *Niên giám thống kê năm 2006*.
34. Phan Đại Doãn (2000), *Làng xã Việt Nam - một số vấn đề kinh tế văn hoá - xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
35. Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV*, Hà Nam Ninh.
36. Đảng bộ tỉnh Nam Định (2001), *Văn kiện ĐH Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ 16 (2001)*, Nam Định.
37. Đảng bộ tỉnh Nam Định (2005), *Văn kiện ĐH Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ 17 (2005)*, Nam Định.
38. Đảng bộ tỉnh Nam Hà (1985), *Văn kiện ĐH Đảng bộ tỉnh Nam Hà lần thứ 3 (1983 - 1985)*, Nam Hà.
39. Đảng bộ tỉnh Nam Hà (1990), *Văn kiện ĐH Đảng bộ tỉnh Nam Hà lần thứ 8 (1986 - 1990)*, Nam Hà.
40. Đảng bộ tỉnh Nam Hà (1994), *Văn kiện ĐH Đảng bộ tỉnh Nam Hà lần thứ 8 giữa nhiệm kỳ (1991- 1994)*, Nam Hà.
41. Đảng bộ tỉnh Nam Hà (1996), *Văn kiện ĐH Đảng bộ tỉnh Nam Hà lần thứ 8 toàn khoá 1996*, Nam Hà.
42. Đảng bộ tỉnh Nam Hà (1996), *Văn kiện ĐH Đảng bộ tỉnh Nam Hà lần thứ 15 (1986 - 1996)*, Nam Hà.

43. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
44. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
45. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
46. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
47. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
48. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
49. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Hội nghị lần thứ t- BCH TW khoá X*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
50. Lê Cao Đoàn (1999), *Đổi mới và phát triển vùng kinh tế ven biển*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
51. Đỗ Thị Minh Đức (1993), "Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn với vấn đề đô thị hoá ở đồng bằng sông Hồng", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 4 (269).
52. Ngọc Hiếu (2007), "Hải Hậu mở hướng làm giàu", *Báo Nhân dân*, số ngày 14/02/2007
53. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (1995), *Từ điển Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 1, Nxb Từ điển bách khoa
54. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2005), *Từ điển Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập IV, Nxb Từ điển bách khoa
55. Thanh Hoàng (1999), "Kinh tế biển Nam Định - tiềm năng và định hướng", *Tạp chí Con số và sự kiện*, số 9.

56. Tô Duy Hợp (2000), *Sự biến đổi của làng - xã Việt Nam ngày nay ở Đồng bằng sông Hồng*, Nxb KHXH, Hà Nội
57. Nguyễn Văn Khánh (2001), *Biến đổi cơ cấu ruộng đất và kinh tế nông nghiệp ở châu thổ sông Hồng trong thời kỳ đổi mới (qua khảo sát một số làng xã)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
58. Đặng Văn Khoa (2001), *Biến đổi cơ cấu kinh tế ở Nghĩa Hưng (Nam Định) trong thời kỳ đổi mới*, luận văn Thạc sĩ khoa Sử, Đại học Sư Phạm Hà Nội.
59. Nguyễn Đình Lê (2007), *Tập bài giảng Một số vấn đề về biến đổi cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam (1986 - 2000)*, Đại học KHXH & NV, Hà Nội.
60. Công Luật (2006), "Vùng quốc gia Xuân Thủy (Nam Định): tiềm năng và những thách thức", *Báo Quân đội Nhân dân*, số ra ngày 12/11/2006.
61. Đào Văn Mão (1997), "Nam Định - Chân dung kinh tế - xã hội và nguồn lực phát triển", *Tạp chí Con số và sự kiện*, số 10.
62. Nguyễn Xuân Năm (2000), *Nam Định đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc*, Nam Định.
63. Đỗ Hoài Nam (2003), *Phát triển kinh tế - xã hội và môi trường các tỉnh ven biển Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội.
64. Phạm Xuân Nam (1991), *Đổi mới kinh tế - xã hội: thành tựu, vấn đề và giải pháp*, Nxb KHXH, Hà Nội.
65. Phạm Xuân Nam (2001), "Nhìn lại bước thăng trầm của nông nghiệp, nông thôn nước ta trong thời kỳ đổi mới", *Tạp chí nghiên cứu Lịch sử*, số 5/2001
66. Phạm Xuân Nam (2001), "Mấy nét tổng quan về quá trình đổi mới kinh tế - xã hội ở Việt Nam 15 năm qua", *Tạp chí nghiên cứu Lịch sử*, số 1/2001
67. Phạm Quang Nhung (1990), "Nam Định với hơn 1000 ngày đổi mới", *Tạp chí Cộng sản*, số 8 năm 1990
68. Lê Ngọc Oánh (2000), "Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005 của tỉnh Nam Định", *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, số tháng 10 (330)/2000.

69. Nguyễn Khắc Phúc (2000), *B-ớc đầu tìm hiểu ngành thuỷ sản Nam Định thời kỳ đổi mới 1986 - 2000*, Khoá luận tốt nghiệp khoa Lịch sử, Đại học KHXH&NV, Hà Nội.
70. Philip - Olivier Tessier (chủ biên) (2002), *Làng ở vùng châu thổ sông Hồng: vấn đề còn bỏ ngỏ*, Nxb KHXH, Hà Nội.
71. Pierre Gourou (2003), *Ng-ời nông dân châu thổ Bắc Kỳ*, Nxb Trẻ, Hà Nội.
72. Nguyễn Trung Quế (1995), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
73. Trần Thị Kim Quế (2004), *Xây dựng làng văn hoá ở huyện Hải Hậu - Nam Định trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
74. Sở Công nghiệp Nam Định (1997), *Định h-ớng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp vùng ven biển Nam Định*.
75. Sở Thuỷ sản Hà Nam Ninh (1990), *Ph-ơng h-ớng nhiệm vụ 5 năm 1991 - 1995*, số 36/VP - TS, Hà Nam Ninh.
76. Sở Thuỷ sản Nam Hà (11/1995), *Báo cáo kết quả điều tra cơ bản tiềm năng nguồn lợi thuỷ sản vùng ngập mặn Nam Hà - từ cửa Ba Lạt đến cống Doanh Châu*, Nam Hà.
77. Sở Thuỷ sản Nam Hà (1996), *Báo cáo hiện trạng nuôi trồng thuỷ sản mặn lợ từ 1991 - 1995*, Nam Hà.
78. Sở Thuỷ sản Nam Định (1997), *Dự án nuôi thử nghiệm ngao tăng sản trên bãi triều thuộc 2 huyện Giao Thuỷ và Nghĩa H-ng tỉnh Nam Định*, 7/1997, Nam Định.
79. Sở Thuỷ sản Nam Định (2000), *Dự án tổng thể phát triển thuỷ sản Nam Định thời kỳ 2001 - 2010*, Nam Định.
80. Sở Thuỷ sản Nam Định (2000), *Báo cáo tóm tắt quy hoạch phát triển nuôi trồng thuỷ sản 3 huyện ven biển (Giao Thuỷ - Hải Hậu - Nghĩa H-ng) tỉnh Nam Định thời kỳ 2001 - 2010*.

81. Sở Thủy sản Nam Định (2001), *Báo cáo đánh giá tình hình phát triển HTX khai thác hải sản tỉnh Nam Định 1997 - 2001*
82. Sở Thủy sản Nam Định (2006), *Báo cáo tình hình nuôi trồng thủy sản mặn lợ 1995 - 2005*.
83. Sở Văn hoá Thông tin tỉnh Nam Hà (1994), *Nam Hà di tích và danh thắng*, Nam Hà.
84. Nguyễn Thị Thanh Tâm (2003), "Một số giải pháp phát triển nuôi trồng thủy sản ven biển tỉnh Nam Định", *Tạp chí Kinh tế và dự báo*, số tháng 8 (364)/2003
85. *Tạp chí Thị trường giá cả*, "Nam Định với chiến lược phát triển kinh tế thủy sản giai đoạn 2006 - 2010", số 9/2006
86. *Thông tấn xã Việt Nam*, "Nam Định phát triển mạnh công nghiệp dân doanh", số 12/2004
87. *Thông tấn xã Việt Nam*, "Nam Định: phát triển mạnh chăn nuôi lợn hướng nạc hoá", số 7/2005.
88. *Thông tấn xã Việt Nam*, "Nam Định: phát triển mạnh diện tích lúa hàng hoá nh- ng vẫn đảm bảo an ninh lương thực", số 12/2006.
89. *Thông tấn xã Việt Nam*, "Nam Định - nghề muối sạch cho hiệu quả cao", số ngày 23/11/2006.
90. Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh (3/1983), *Báo cáo tình hình và nhiệm vụ tại Đại hội Đảng bộ tỉnh (lần thứ 3)*, Nam Định.
91. Tỉnh uỷ Nam Định (1986), *Báo cáo tình hình phát triển sản xuất nông - lâm - ngư- nghiệp và công tác cải tiến quản lý năm 1986*, Nam Định.
92. Tỉnh uỷ Nam Định (2001), *Chương trình công tác trọng tâm của BCH Đảng bộ tỉnh*, Nam Định.
93. Đặng Văn Thắng (2003), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

94. Lê Đình Thắng (chủ biên) (1998), *Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
95. Tr- ong Thị Tiến (1999), *Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
96. Lê Văn Toàn (chủ biên) (1991), *Những vấn đề kinh tế và đời sống qua 3 cuộc điều tra nông nghiệp, công nghiệp, nhà ở*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
97. Tổng Cục Thống kê (1988), *Niên giám thống kê 1986*, Hà Nội.
98. Tổng Cục Thống kê (1992), *Niên giám thống kê 1990*, Hà Nội.
99. Tổng Cục Thống kê (1996), *Niên giám thống kê 1995*, Hà Nội.
100. Tổng Cục Thống kê (1999), *T- liệu kinh tế - xã hội 61 tỉnh và thành phố*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
101. Tổng Cục Thống kê (2000), *Niên giám nông nghiệp Việt Nam 2000*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
102. Tổng Cục Thống kê (2001), *Niên giám thống kê 2000*, Hà Nội.
103. Tổng Cục Thống kê (2001), *Tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam 10 năm, 1991 - 2000*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
104. Tổng Cục Thống kê (2002), *T- liệu kinh tế xã hội 631 huyện, quận*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
105. Tổng Cục Thống kê (2006), *Niên giám thống kê 2005*, Hà Nội.
106. Tổng Cục Thống kê (2006), *T- liệu kinh tế - xã hội 671 huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Việt Nam*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
107. Tổng Cục Thống kê (2007), *Niên giám thống kê 2006*, Hà Nội.
108. Nguyễn Trãi (1960), *D- địa chí*, Nxb Văn Sử học, Hà Nội.
109. Lê Thị Kiều Trang (2002), *Tìm hiểu kinh tế biển Nam Định thời kỳ đổi mới 1986 - 2000*, Khoá luận tốt nghiệp khoa Lịch sử, Đại học KHXH&NV, Hà Nội.

110. Ủy Ban Nhân dân tỉnh Nam Định (1995), *Báo cáo kết quả công tác 1991 - 1995 và ph-ong h-ớng mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản vùng biển tỉnh Nam Hà 1996 - 2000*, hồ sơ số 1503, cặp 137, Nam Định.
111. Ủy Ban Nhân dân tỉnh Nam Định (1995), *Chiến l-ợc nuôi trồng thủy sản 1996 - 2010*, hồ sơ số 1647, Nam Định.
112. Ủy Ban Nhân dân tỉnh Nam Định (1997), *Báo cáo quy hoạch phát triển tổng thể vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định*, Nam Định.
113. Ủy Ban Nhân dân tỉnh Nam Định (1999), *Ch-ong trình phát triển kinh tế biển Nam Định thời kỳ 2001- 2005*, Nam Định.
114. Ủy Ban Nhân dân tỉnh Nam Định (2000), *Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội 5 năm (1996 - 2000) những nhiệm vụ, mục tiêu, giải pháp chủ yếu 5 năm tới (2001 - 2005)*, Nam Định.
115. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định (2000), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 1999*, Nam Định.
116. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định (2001), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2000*, Nam Định.
117. Ủy Ban Nhân dân tỉnh Nam Định (2001), *Báo cáo kết quả hơn một năm thực hiện ch-ong trình phát triển kinh tế biển tỉnh Nam Định*.
118. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định (2002), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2001*, Nam Định.
119. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định (2003), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2002*, Nam Định.
120. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định (2003), *Địa chí Nam Định*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
121. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định (2004), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2003*, Nam Định.

122. Ủy Ban Nhân dân tỉnh Nam Định (2004), *Báo cáo kết quả 3 năm thực hiện Chương trình Kinh tế biển tỉnh Nam Định*
123. Ủy ban Nhân dân tỉnh Nam Định (2005), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 2004*, Nam Định.
124. Ủy Ban Nhân dân tỉnh Nam Định (2005), *Nam Định thế và lực mới trong thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
125. Ủy Ban Nhân dân huyện Giao Thủy (2005), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2005*, Giao Thủy.
126. Ủy Ban Nhân dân huyện Hải Hậu (1994), *Hải Hậu - mảnh đất con ng-ời, truyền thống - đổi mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
127. Ủy Ban Nhân dân huyện Hải Hậu (1995), *Báo cáo Tình hình phát triển kinh tế 5 năm (1991 - 1995)*.
128. Ủy Ban Nhân dân huyện Hải Hậu (2006), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2005*, Hải Hậu.
129. Ủy Ban Nhân dân huyện Hải Hậu (2007), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2006*, Hải Hậu.
130. Ủy Ban Nhân dân huyện Nghĩa H- ng (1995), *Báo cáo Tình hình phát triển kinh tế 5 năm (1991 - 1995)*
131. Ủy Ban Nhân dân huyện Nghĩa H- ng (2000), *Đề án kinh tế biển huyện Nghĩa H- ng từ 2001 - 2010*, Nghĩa H- ng.
132. Ủy Ban Nhân dân huyện Nghĩa H- ng (2005), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 2005*, Nghĩa H- ng.
133. Phạm Vĩnh (1999), *Nam Định đất n-ớc - con ng-ời*, Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội.

***Tiếng Anh**

134. Hue Le, *Local participation in integrated coastal zones development in Giao Lac*

135. Institute for Social Studies, the Hague, The Neitherland, *Land allocation, social differentiation anh mangrove management in a village of Northern Vietnam*

136. John Kleinen, *Access to Natural Resource for Whom? Aquaculture in Nam Dinh, Vietnam*